

Số: 06/2026/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm tiền gửi số 111/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về danh mục giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thẩm quyền; tiêu chuẩn; quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay đổi về thông tin và cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối (sau đây gọi tắt là giám định viên tư pháp); quy trình công nhận, hủy bỏ công nhận, thay đổi về thông tin người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực tiền tệ,

hoạt động ngân hàng và ngoại hối (sau đây gọi tắt là người giám định tư pháp theo vụ việc); điều kiện đối với tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; quy chuẩn chuyên môn; trình tự, thủ tục tiếp nhận trung cầu, thực hiện giám định tư pháp và chi phí giám định tư pháp; chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước).

2. Các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi tắt là các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước), bao gồm: Thanh tra Ngân hàng Nhà nước; Vụ, Cục; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước Khu vực) và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ngân hàng Nhà nước.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối.

Điều 3. Danh mục giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối

Giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối thuộc thẩm quyền quản lý của Ngân hàng Nhà nước bao gồm:

1. Tiền tệ bao gồm tiền giấy, tiền kim loại do Ngân hàng Nhà nước phát hành;
2. Hoạt động ngân hàng, bao gồm các nghiệp vụ: nhận tiền gửi; cấp tín dụng và cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản;
3. Hoạt động ngoại hối và hoạt động kinh doanh vàng;
4. Bảo hiểm tiền gửi;
5. Phòng, chống rửa tiền.

Điều 4. Thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay đổi về thông tin và cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp; công nhận, hủy bỏ công nhận, thay đổi về thông tin người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; thành lập Hội đồng giám định tư pháp

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền:

1. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay đổi về thông tin và cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp đối với người làm việc tại các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.
2. Công nhận, hủy bỏ công nhận, thay đổi về thông tin người giám định tư pháp theo vụ việc đối với người làm việc tại các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.
3. Công nhận, hủy bỏ công nhận, thay đổi về thông tin tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc thuộc thẩm quyền quản lý của Ngân hàng Nhà nước.
4. Thành lập Hội đồng giám định tư pháp.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC TIỀN TỆ, HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG VÀ NGOẠI HỐI

Điều 5. Tiêu chuẩn giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc

1. Tiêu chuẩn giám định viên tư pháp:

a) Tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật số 105/2025/QH15) và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật số 105/2025/QH15;

b) Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành tài chính - ngân hàng; kế toán; kinh tế; luật; công nghệ thông tin; mỹ thuật; công nghệ kỹ thuật in và công nghệ hóa học do cơ sở giáo dục của Việt Nam đào tạo theo quy định của pháp luật hoặc do cơ sở giáo dục nước ngoài đào tạo và được công nhận để sử dụng tại Việt Nam;

c) Đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên tính từ ngày bổ nhiệm ngạch công chức, viên chức hoặc ký hợp đồng lao động, phù hợp với lĩnh vực được bổ nhiệm làm giám định viên tư pháp;

d) Đã qua khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối do các cơ quan, đơn vị có chức năng đào tạo, bồi dưỡng tổ chức và cấp giấy chứng nhận.

2. Tiêu chuẩn người giám định tư pháp theo vụ việc:

a) Tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Luật số 105/2025/QH15 và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật số 105/2025/QH15;

b) Tiêu chuẩn quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này;

c) Trường hợp người không đáp ứng quy định tại điểm b khoản 2 Điều này nhưng có kiến thức chuyên sâu, kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng chuyên môn trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối thì xem xét quyết định lựa chọn, công nhận người đó là người giám định tư pháp theo vụ việc.

Điều 6. Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay đổi về thông tin, cấp, cấp lại và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp

1. Đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay đổi về thông tin, cấp, cấp lại và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 11 Luật số 105/2025/QH15 và quy định tại Thông tư này.

2. Bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp:

a) Đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước lập hồ sơ đề nghị bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp gửi Vụ Tổ chức cán bộ và Thanh tra Ngân hàng Nhà nước gồm: Văn bản đề nghị bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp của Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước nơi người đề nghị bổ nhiệm làm việc; Đơn đề nghị bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp của cá nhân; Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm làm giám định viên tư pháp; Xác nhận thời gian hoạt động chuyên môn của người đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp

theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này; Bản sao Giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp; 02 ảnh màu chân dung cỡ 02 cm x 03 cm hoặc bản điện tử ảnh màu cỡ 02 cm x 03 cm, được chụp không quá 06 tháng trước ngày đề nghị bổ nhiệm;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Vụ Tổ chức cán bộ trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp và giao Thanh tra Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc cấp thẻ. Trường hợp từ chối, Vụ Tổ chức cán bộ có văn bản thông báo gửi đơn vị đề nghị và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước thực hiện cấp thẻ giám định viên tư pháp theo quy định.

3. Miễn nhiệm, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp:

a) Đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước lập hồ sơ đề nghị miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp gửi Vụ Tổ chức cán bộ và Thanh tra Ngân hàng Nhà nước gồm: Văn bản đề nghị miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp của Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước nơi giám định viên tư pháp làm việc; Đơn đề nghị miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp của cá nhân; Tài liệu chứng minh giám định viên tư pháp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật số 105/2025/QH15;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Vụ Tổ chức cán bộ trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp và giao Thanh tra Ngân hàng Nhà nước thu hồi thẻ;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định việc miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước thực hiện thu hồi thẻ giám định viên tư pháp theo quy định.

4. Bổ nhiệm lại, cấp thẻ giám định viên tư pháp:

a) Đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước lập hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp gửi Vụ Tổ chức cán bộ và Thanh tra Ngân hàng Nhà nước gồm: Văn bản đề nghị bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp của Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước nơi người đề nghị bổ nhiệm lại làm việc; Đơn đề nghị bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp của cá nhân; Tài liệu chứng minh đủ điều kiện bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Luật số 105/2025/QH15; 02 ảnh màu chân dung cỡ 02 cm x 03 cm hoặc bản điện tử ảnh màu cỡ 02 cm x 03 cm, được chụp không quá 06 tháng trước ngày đề nghị bổ nhiệm lại;

b) Quy trình bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp được thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này.

5. Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp:

a) Đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước lập hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp trong trường hợp thẻ đã được cấp bị mất, bị hỏng (rách, bẩn, mờ) không thể sử dụng được gửi Thanh tra Ngân hàng Nhà nước gồm: Văn bản đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp của Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước nơi giám định viên tư pháp làm việc; Đơn đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp của cá nhân;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc cấp lại thẻ giám định viên tư pháp và giao Thanh tra Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc cấp lại thẻ. Trường hợp từ chối, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo gửi đơn vị đề nghị và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định cấp lại thẻ giám định viên tư pháp, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước thực hiện cấp lại thẻ giám định viên tư pháp theo quy định;

d) Trường hợp cấp lại thẻ do có sự thay đổi về thông tin đã được ghi trên thẻ thì được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này.

6. Trường hợp có sự thay đổi về thông tin liên quan đến giám định viên tư pháp đã được bổ nhiệm:

a) Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị thay đổi về thông tin giám định viên tư pháp đã được bổ nhiệm;

b) Trường hợp thay đổi về thông tin giám định viên tư pháp không làm thay đổi thông tin đã ghi trên thẻ giám định viên tư pháp, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp với Thanh tra Ngân hàng Nhà nước cập nhật danh sách giám định viên tư pháp trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt danh sách, gửi Bộ Tư pháp để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp; đồng thời gửi Văn phòng để thực hiện đăng tải danh sách trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước, gửi Thanh tra Ngân hàng Nhà nước để theo dõi;

c) Trường hợp thay đổi về thông tin giám định viên tư pháp làm thay đổi thông tin đã ghi trên thẻ giám định viên tư pháp, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp với Thanh tra Ngân hàng Nhà nước cập nhật danh sách giám định viên tư pháp trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt danh sách, xem xét, quyết định cấp lại thẻ giám định viên tư pháp và giao Thanh tra Ngân hàng Nhà nước thực hiện cấp lại thẻ giám định viên tư pháp, gửi Bộ Tư pháp đăng tải theo quy định tại điểm b khoản này. Sau khi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt danh sách giám định viên tư pháp, Vụ Tổ chức cán bộ gửi Văn phòng để thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước, gửi Thanh tra Ngân hàng Nhà nước để thực hiện việc cấp lại thẻ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định cấp lại thẻ giám định viên tư pháp, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước thực hiện cấp lại thẻ giám định viên tư pháp theo quy định.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, Vụ Tổ chức cán bộ lập danh sách giám định viên tư pháp,

cập nhật danh sách giám định viên tư pháp trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt danh sách, gửi Bộ Tư pháp để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp và gửi Văn phòng để thực hiện đăng tải danh sách trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước, gửi Thanh tra Ngân hàng Nhà nước để theo dõi. Kể từ ngày Quyết định miễn nhiệm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực thi hành, thẻ giám định viên tư pháp hết hiệu lực.

8. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay đổi về thông tin, cấp, cấp lại và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp được lập bằng tiếng Việt. Đơn vị tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chủ động khai thác thông tin, dữ liệu đã có trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin theo quy định pháp luật để thay thế thành phần hồ sơ quy định là bản sao. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác không đầy đủ, không chính xác thì yêu cầu đơn vị đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp bổ sung thành phần hồ sơ để xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo quy định. Bản sao các tài liệu, văn bản và bản dịch các tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt trong hồ sơ là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc theo quy định của pháp luật. Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao được chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc, người lập hồ sơ phải xuất trình bản chính để đối chiếu khi nộp hồ sơ; người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

Điều 7. Quy trình công nhận, hủy bỏ công nhận, thay đổi về thông tin người giám định tư pháp theo vụ việc

1. Trước ngày 31 tháng 10 hằng năm, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước rà soát, lựa chọn, lập danh sách người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này và quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 14 Luật số 105/2025/QH15, lập hồ sơ gửi Vụ Tổ chức cán bộ trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc. Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc của Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước nơi người đề nghị công

nhận làm việc; Đơn đề nghị công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc của cá nhân; Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc; Xác nhận thời gian hoạt động chuyên môn của người đề nghị công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Hồ sơ đề nghị công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc được lập bằng tiếng Việt. Đơn vị tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chủ động khai thác thông tin, dữ liệu đã có trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin theo quy định pháp luật để thay thế thành phần hồ sơ quy định là bản sao. Trong trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác không đầy đủ, không chính xác thì yêu cầu đơn vị đề nghị công nhận giám định tư pháp theo vụ việc bổ sung thành phần hồ sơ để xem xét công nhận giám định viên tư pháp theo vụ việc theo quy định. Bản sao các tài liệu, văn bằng và bản dịch các tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt trong hồ sơ là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc theo quy định của pháp luật. Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao được chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc, người lập hồ sơ phải xuất trình bản chính để đối chiếu khi nộp hồ sơ; người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

2. Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Vụ Tổ chức cán bộ trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc. Trường hợp từ chối, Vụ Tổ chức cán bộ có văn bản thông báo gửi đơn vị đề nghị và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định công nhận quy định tại khoản 2 Điều này, Vụ Tổ chức cán bộ lập danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt danh sách, gửi Bộ Tư pháp để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp và gửi Văn phòng để thực hiện đăng tải danh

sách trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước, gửi Thanh tra Ngân hàng Nhà nước để theo dõi.

4. Trường hợp có sự thay đổi về thông tin liên quan đến người giám định tư pháp theo vụ việc đã được công nhận:

a) Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị thay đổi về thông tin người giám định tư pháp theo vụ việc đã được công nhận;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Vụ Tổ chức cán bộ cập nhật danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt danh sách, gửi Bộ Tư pháp để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp, đồng thời gửi Văn phòng để thực hiện đăng tải danh sách trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước, gửi Thanh tra Ngân hàng Nhà nước để theo dõi.

5. Hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc:

Trường hợp bị hủy bỏ công nhận hoặc theo nguyện vọng cá nhân quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 14 Luật số 105/2025/QH15:

a) Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Vụ Tổ chức cán bộ trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc. Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc của Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước nơi người giám định tư pháp theo vụ việc làm việc; Đơn đề nghị hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc của cá nhân. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc theo thẩm quyền;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, Vụ Tổ chức cán bộ cập nhật danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt danh sách, gửi Bộ Tư pháp để đăng tải trên Cổng thông tin điện

từ Bộ Tư pháp, đồng thời gửi Văn phòng để thực hiện đăng tải danh sách trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước, gửi Thanh tra Ngân hàng Nhà nước để theo dõi.

Mục 2

TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC TIỀN TỆ, HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG VÀ NGOẠI HỐI

Điều 8. Điều kiện đối với tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối là tổ chức có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật số 105/2025/QH15.

Mục 3

QUY CHUẨN CHUYÊN MÔN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾP NHẬN TRUNG CẦU, THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP, THỜI HẠN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC TIỀN TỆ, HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG VÀ NGOẠI HỐI

Điều 9. Quy chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định tư pháp của lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối

Quy chuẩn chuyên môn được áp dụng trong hoạt động giám định tư pháp của lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối là các văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 10. Tiếp nhận trung cầu giám định tư pháp đối với Ngân hàng Nhà nước

1. Ngân hàng Nhà nước Khu vực tiếp nhận quyết định trung cầu giám định của người trung cầu giám định tư pháp trung cầu Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật số 105/2025/QH15, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu giám định của người trung cầu giám định

tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có trách nhiệm kiểm tra, rà soát nội dung yêu cầu giám định với danh mục giám định tư pháp, quy chuẩn chuyên môn trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối quy định tại Điều 3, Điều 9 Thông tư này và có thông báo bằng văn bản cho người trung cầu giám định tư pháp về việc tiếp nhận hoặc từ chối thực hiện giám định. Trường hợp từ chối thực hiện giám định tư pháp thì phải nêu rõ lý do trong các trường hợp quy định tại Điều 38 Luật số 105/2025/QH15.

2. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận quyết định trung cầu giám định của người trung cầu giám định tư pháp trung cầu Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật số 105/2025/QH15. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, rà soát nội dung yêu cầu giám định với danh mục giám định tư pháp, quy chuẩn chuyên môn trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối quy định tại Điều 3, Điều 9 Thông tư này;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu giám định của người trung cầu giám định tư pháp, tham mưu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước thực hiện giám định và có thông báo cho người trung cầu giám định tư pháp về việc tiếp nhận hoặc từ chối thực hiện giám định, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Trường hợp nội dung trung cầu giám định liên quan đến nhiều đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu giám định của người trung cầu giám định tư pháp, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xác định nội dung chính cần giám định để giao đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp thực hiện giám định và có thông báo cho người trung cầu giám định tư pháp về việc tiếp nhận hoặc từ chối thực hiện giám định;

d) Trường hợp từ chối thực hiện giám định tư pháp thì phải nêu rõ lý do trong các trường hợp quy định tại Điều 38 Luật số 105/2025/QH15.

3. Trường hợp tiếp nhận trung cầu giám định lại theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật số 105/2025/QH15, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước tham mưu, lựa chọn thành viên, gửi Vụ Tổ chức cán bộ trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thành lập Hội đồng giám định tư pháp để thực hiện giám định.

4. Trường hợp quyết định trung cầu giám định tư pháp trung cầu Ngân hàng Nhà nước chủ trì theo khoản 4 Điều 28 Luật số 105/2025/QH15, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ nhận được quyết định trung cầu giám định tư pháp, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước tham mưu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chủ trì thực hiện giám định. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản cử người của tổ chức giám định tư pháp phối hợp, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước được giao chủ trì tham mưu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho người trung cầu giám định tư pháp về việc tiếp nhận hoặc từ chối thực hiện giám định; trường hợp từ chối thì phải nêu rõ lý do. Việc thực hiện giám định tư pháp trong trường hợp này được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật số 105/2025/QH15 và trình tự, thủ tục thực hiện giám định quy định tại Thông tư này.

5. Trường hợp quyết định trung cầu giám định tư pháp trung cầu Ngân hàng Nhà nước phối hợp theo khoản 4 Điều 28 Luật số 105/2025/QH15, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ nhận được quyết định trung cầu giám định, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước tham mưu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước cử người giám định tư pháp và có văn bản gửi cho tổ chức giám định tư pháp chủ trì và người trung cầu giám định tư pháp; trường hợp từ chối thì tham mưu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản từ chối và phải nêu rõ lý do. Việc thực hiện giám định tư pháp trong trường hợp này được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật số 105/2025/QH15.

Điều 11. Tiếp nhận trung cầu giám định tư pháp trực tiếp người giám định tư pháp của Ngân hàng Nhà nước

1. Quyết định trung cầu giám định tư pháp của người trung cầu giám định tư pháp trung cầu trực tiếp người giám định tư pháp của Ngân hàng Nhà nước phải được gửi cho đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước nơi có người giám định tư pháp được trung cầu trực tiếp để thực hiện giám định tư pháp theo quy định.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước khi nhận được quyết định trung cầu giám định tư pháp của người trung cầu giám định tư pháp trung cầu trực tiếp người giám định tư pháp không thuộc đơn vị mình có trách nhiệm gửi quyết định trung cầu giám định tư pháp cho đơn vị có người giám định tư pháp được trung cầu.

3. Khi nhận được quyết định trung cầu giám định tư pháp, đơn vị có người giám định tư pháp được trung cầu trực tiếp có trách nhiệm:

a) Báo cáo Thanh tra Ngân hàng Nhà nước về quyết định trung cầu giám định tư pháp để tổng hợp, theo dõi;

b) Gửi quyết định trung cầu giám định tư pháp cho người giám định tư pháp được trung cầu;

c) Yêu cầu người giám định tư pháp thực hiện tiếp nhận hoặc từ chối thực hiện giám định tư pháp thì phải có thông báo bằng văn bản cho người trung cầu giám định tư pháp; trường hợp từ chối thì phải nêu rõ lý do;

d) Tạo điều kiện cho người giám định tư pháp được trung cầu thực hiện giám định tư pháp theo nội dung yêu cầu giám định của người trung cầu giám định tư pháp.

Điều 12. Giám định bổ sung, giám định lại

1. Trường hợp quyết định trung cầu giám định bổ sung, quyết định trung cầu giám định lại trung cầu Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật số 105/2025/QH15, Ngân hàng Nhà nước Khu vực thực hiện tiếp nhận quyết định trung cầu giám định bổ sung, quyết định trung cầu giám định lại theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này và thực hiện giám định theo quy định tại Điều 15, Điều 17, Điều 18, Điều 19 Thông tư này.

2. Trường hợp quyết định trung cầu giám định bổ sung, quyết định trung cầu giám định lại, trung cầu Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật số 105/2025/QH15, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước thực hiện tiếp nhận quyết định trung cầu giám định bổ sung, quyết định trung cầu giám định lại theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 10 Thông tư này; đơn vị được giao thực hiện giám định theo quy định tại Điều 15, Điều 17, Điều 18, Điều 19 Thông tư này.

3. Trường hợp đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện giám định tư pháp trực tiếp nhận được quyết định trung cầu giám định bổ sung, quyết định trung cầu giám định lại của người trung cầu giám định tư pháp thì thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp quyết định trung cầu giám định bổ sung, giám định lại trung cầu trực tiếp người giám định tư pháp của Ngân hàng Nhà nước, người giám định tư pháp được trung cầu trực tiếp thực hiện tiếp nhận quyết định trung cầu giám định bổ sung, quyết định trung cầu giám định lại theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư này và thực hiện giám định theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19 Thông tư này.

Trường hợp quyết định trung cầu giám định bổ sung, giám định lại trung cầu trực tiếp người giám định tư pháp của Ngân hàng Nhà nước để tham gia Tổ giám định tư pháp do người trung cầu giám định tư pháp thành lập, người giám định tư pháp thực hiện giám định theo sự phân công của người trung cầu giám định tư pháp, Tổ giám định tư pháp.

5. Trường hợp quyết định trung cầu giám định bổ sung, giám định lại trung cầu Ngân hàng Nhà nước chủ trì hoặc phối hợp, đơn vị được giao thực hiện theo trình tự, thủ tục tiếp nhận trung cầu, thực hiện giám định theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 10 Thông tư này.

6. Trường hợp giám định lại về tiền giả được thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự.

a) Trường hợp trung cầu Ngân hàng Nhà nước, việc giám định lại tiền giả phải phân công người giám định tư pháp khác thực hiện và thực hiện theo trình tự, thủ tục tiếp nhận trung cầu, thực hiện giám định theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp trung cầu trực tiếp người giám định tư pháp của Ngân hàng Nhà nước, người giám định tư pháp được trung cầu trực tiếp thực hiện tiếp nhận trung cầu, thực hiện giám định theo quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Trường hợp trung cầu Ngân hàng Nhà nước chủ trì hoặc phối hợp, đơn vị được giao thực hiện tiếp nhận trung cầu, thực hiện giám định theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 13. Hội đồng giám định tư pháp

1. Khi nhận được trung cầu giám định theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật số 105/2025/QH15 thì việc giám định do Hội đồng giám định tư pháp của Ngân hàng Nhà nước thực hiện.

2. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước là đơn vị tham mưu lựa chọn thành viên Hội đồng giám định tư pháp gửi Vụ Tổ chức cán bộ trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước việc quyết định thành lập Hội đồng giám định tư pháp theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cơ cấu và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng giám định tư pháp được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật số 105/2025/QH15 và quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 4 Điều 33 Luật số 105/2025/QH15.

Hội đồng giám định tư pháp căn cứ trình tự, thủ tục được quy định tại Thông tư này để xem xét thực hiện giám định trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định về nguyên tắc hoạt động của Hội đồng giám định tư pháp.

Điều 14. Trình tự, thủ tục thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối

1. Chuẩn bị giám định tư pháp.
2. Thực hiện giám định tư pháp.

3. Kết luận giám định tư pháp.

4. Lập, bàn giao, lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp.

Điều 15. Chuẩn bị giám định tư pháp đối với trường hợp trung cầu Ngân hàng Nhà nước giám định

1. Phân công người giám định tư pháp

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu giám định tư pháp hoặc văn bản giao thực hiện giám định tư pháp, đơn vị được trung cầu hoặc được giao thực hiện giám định tư pháp có trách nhiệm:

a) Lựa chọn, phân công người giám định tư pháp có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nội dung trung cầu giám định để thực hiện giám định tư pháp;

b) Trường hợp cần bổ nhiệm thêm giám định viên tư pháp hoặc công nhận thêm người giám định tư pháp theo vụ việc, đơn vị được trung cầu hoặc được giao thực hiện giám định lựa chọn người đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, phù hợp với nội dung yêu cầu giám định theo quyết định trung cầu giám định và lập hồ sơ để bổ nhiệm, công nhận theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết khoản 8 Điều 11, khoản 8 Điều 14 Luật số 105/2025/QH15 và Điều 6, Điều 7 Thông tư này;

c) Trường hợp phân công từ hai người giám định tư pháp trở lên, đơn vị được trung cầu hoặc được giao thực hiện giám định phải thành lập Tổ giám định tư pháp, trong đó phân công người chủ trì, điều phối việc thực hiện giám định.

2. Giao, nhận hồ sơ trung cầu giám định tư pháp

Người giám định tư pháp phối hợp với người trung cầu giám định tư pháp để giao, nhận hồ sơ trung cầu giám định tư pháp theo các quy định sau:

a) Việc giao, nhận, mở niêm phong hồ sơ trung cầu giám định tư pháp phải được lập thành biên bản giao, nhận, mở niêm phong theo Phụ lục 03, Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này. Việc lập biên bản khi mở niêm phong thực hiện đối với hồ sơ trung cầu giám định tư pháp gửi qua đường bưu chính theo dịch vụ có số hiệu;

b) Việc giao, nhận hồ sơ trung cầu giám định tư pháp trên môi trường điện tử được thực hiện theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước về việc gửi, nhận văn bản trên môi trường điện tử, dữ liệu điện tử;

c) Người giám định tư pháp phối hợp với người trung cầu giám định tư pháp để giao, nhận hồ sơ trung cầu giám định tư pháp theo điểm a, b khoản này;

d) Trong quá trình giám định tư pháp, trường hợp chưa được cung cấp đầy đủ hồ sơ trung cầu giám định tư pháp hoặc cần phải bổ sung thêm hồ sơ trung cầu giám định tư pháp làm cơ sở cho việc giám định thì người giám định tư pháp yêu cầu, đề nghị người trung cầu giám định tư pháp cung cấp bổ sung hồ sơ giám định tư pháp cần thiết để thực hiện giám định.

3. Người giám định tư pháp phải lập đề cương giám định, bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Xác định đối tượng giám định, nội dung yêu cầu giám định, phạm vi giám định, thời hạn giám định tư pháp;

b) Xác định phương pháp tiến hành giám định;

c) Xác định các quy chuẩn chuyên môn được áp dụng khi thực hiện giám định;

d) Xác định trang thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định (nếu có);

đ) Xác định chi phí thù lao, chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp, chi phí tham gia phiên toà và các chi phí khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Chuẩn bị giám định đối với trường hợp trung cầu trực tiếp người giám định tư pháp của Ngân hàng Nhà nước

1. Người giám định tư pháp của Ngân hàng Nhà nước được trung cầu có trách nhiệm chuẩn bị giám định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 15 Thông tư này.

2. Đối với quyết định trung cầu trực tiếp người giám định tư pháp của Ngân hàng Nhà nước để tham gia Tổ giám định tư pháp do người trung cầu giám định

tư pháp thành lập, người được trưng cầu chuẩn bị theo phân công của người trưng cầu giám định tư pháp, Tổ giám định tư pháp.

Điều 17. Thực hiện giám định tư pháp

Người giám định tư pháp thực hiện giám định như sau:

1. Xem xét, nghiên cứu nội dung yêu cầu giám định để thực hiện giám định, cụ thể:

- a) Xác định rõ đối tượng giám định, nội dung yêu cầu giám định;
- b) Nghiên cứu, phân tích hồ sơ trưng cầu giám định tư pháp đã được cung cấp;
- c) Tiến hành so sánh, đối chiếu đối tượng giám định, nội dung yêu cầu giám định với quy chuẩn chuyên môn theo quy định;
- d) Đưa ra kết luận rõ ràng, cụ thể về nội dung chuyên môn của đối tượng giám định theo nội dung yêu cầu giám định.

2. Khi phát sinh nội dung mới hoặc vấn đề khác trong quá trình thực hiện giám định, có văn bản thông báo ngay cho người trưng cầu giám định tư pháp biết để thống nhất phương án giải quyết.

3. Người giám định tư pháp phải ghi nhận kịp thời, đầy đủ, trung thực bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử toàn bộ quá trình thực hiện giám định theo Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trường hợp nhận được văn bản thông báo của người trưng cầu giám định tư pháp về đình chỉ việc thực hiện giám định, người giám định tư pháp chấm dứt việc thực hiện giám định và ghi nhận nội dung này trong văn bản hoặc dữ liệu điện tử ghi nhận quá trình thực hiện giám định.

Điều 18. Thời hạn giám định tư pháp

1. Thời hạn giám định tư pháp:

- a) Tối đa 09 ngày đối với trường hợp giám định tiền giả theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;

b) Tối đa 01 tháng đối với trường hợp giám định tiền giấy, tiền kim loại do Ngân hàng Nhà nước phát hành;

c) Tối đa 01 tháng đối với trường hợp giám định hoạt động ngoại hối và hoạt động kinh doanh vàng; bảo hiểm tiền gửi và phòng, chống rửa tiền;

d) Tối đa 02 tháng đối với trường hợp giám định hoạt động ngân hàng, bao gồm các nghiệp vụ: nhận tiền gửi; cấp tín dụng và cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản;

đ) Tối đa 03 tháng đối với trường hợp vụ việc giám định có từ hai (02) đến bốn (04) nội dung giám định khác nhau trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối quy định tại Điều 3 Thông tư này hoặc có tính chất phức tạp hoặc khối lượng công việc lớn;

e) Tối đa 04 tháng đối với trường hợp vụ việc giám định có từ năm (05) nội dung giám định khác nhau trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối quy định tại Điều 3 Thông tư này hoặc có tính chất đặc biệt phức tạp hoặc khối lượng công việc đặc biệt lớn.

2. Thời hạn giám định tư pháp quy định tại khoản 1 Điều này được tính từ ngày người giám định tư pháp nhận được đầy đủ hồ sơ trung cầu giám định tư pháp theo quyết định trưng cầu giám định tư pháp được trưng cầu.

3. Trường hợp phát sinh yêu cầu, đề nghị cần phải bổ sung thêm hồ sơ trung cầu giám định tư pháp thì thời gian từ khi người giám định tư pháp có văn bản đề nghị, yêu cầu đến khi nhận đầy đủ hồ sơ bổ sung thì không tính vào thời hạn giám định tư pháp.

4. Trường hợp không hoàn thành đúng thời hạn giám định tư pháp, chậm nhất 24 giờ trước thời hạn trả kết luận giám định, người giám định tư pháp có văn bản đề nghị người trưng cầu giám định tư pháp gia hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 30 Luật số 105/2025/QH15.

Điều 19. Kết luận giám định tư pháp

1. Người giám định tư pháp chỉ kết luận giám định đối với nội dung yêu cầu giám định thuộc danh mục giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động

ngân hàng và ngoại hối quy định tại Điều 3 Thông tư này và theo quy chuẩn chuyên môn áp dụng cho hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Căn cứ kết quả thực hiện giám định tư pháp quy định tại Điều 17 Thông tư này, người giám định tư pháp đưa ra kết luận đối với từng nội dung yêu cầu giám định rõ ràng, cụ thể.

3. Kết luận giám định tư pháp theo Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trường hợp người trung cầu giám định tư pháp trung cầu trực tiếp người giám định tư pháp của Ngân hàng Nhà nước, bản kết luận giám định tư pháp phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của người giám định tư pháp. Việc sử dụng chữ ký số trong kết luận giám định tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

5. Trường hợp người trung cầu giám định tư pháp trung cầu Ngân hàng Nhà nước cử người giám định tư pháp thì bản kết luận giám định tư pháp phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của người giám định tư pháp và có xác nhận chữ ký của Ngân hàng Nhà nước.

6. Trường hợp trung cầu Ngân hàng Nhà nước thực hiện giám định tư pháp theo khoản 1 Điều 28 Luật số 105/2025/QH15 thì ngoài chữ ký, họ tên của người giám định tư pháp, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nhà nước Khu vực ký, đóng dấu vào bản kết luận giám định tư pháp.

7. Trường hợp trung cầu Ngân hàng Nhà nước thực hiện giám định tư pháp theo khoản 2 Điều 28 Luật số 105/2025/QH15 thì ngoài chữ ký, họ tên của người giám định tư pháp, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nhà nước ký, đóng dấu vào bản kết luận giám định tư pháp.

8. Trường hợp trung cầu Ngân hàng Nhà nước chủ trì giám định tư pháp theo khoản 4 Điều 28 Luật số 105/2025/QH15 thì ngoài chữ ký, họ tên của người giám định tư pháp và chữ ký, đóng dấu của người đứng đầu các tổ chức phối hợp,

người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nhà nước ký, đóng dấu vào bản kết luận giám định tư pháp.

Trường hợp trung cầu Ngân hàng Nhà nước phối hợp giám định tư pháp theo khoản 4 Điều 28 Luật số 105/2025/QH15 thì ngoài chữ ký, họ tên của người giám định tư pháp và chữ ký, đóng dấu của người đứng đầu tổ chức chủ trì, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nhà nước ký, đóng dấu xác nhận phần kết luận chuyên môn thuộc trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước vào bản kết luận giám định tư pháp.

9. Trường hợp thành lập Hội đồng giám định thực hiện giám định tư pháp thì ngoài chữ ký, họ tên của người giám định tư pháp, người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng giám định tư pháp ký, đóng dấu vào bản kết luận giám định tư pháp.

10. Kết luận giám định tư pháp quy định tại Điều này phải được trả cho người trung cầu giám định tư pháp theo thời hạn yêu cầu và gửi cho Ngân hàng Nhà nước (qua Thanh tra Ngân hàng Nhà nước) để theo dõi việc thực hiện giám định.

Điều 20. Lập, bàn giao, lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp

1. Hồ sơ giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối được lập, bàn giao, bảo quản, lưu trữ theo quy định pháp luật về văn thư, lưu trữ và thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Tư pháp.

2. Người giám định tư pháp, người chủ trì, điều phối của Tổ giám định tư pháp, Chủ tịch Hội đồng giám định tư pháp lập hồ sơ giám định tư pháp, bao gồm các tài liệu sau:

a) Hồ sơ trung cầu giám định tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật số 105/2025/QH15;

b) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc giao thực hiện giám định tư pháp;

c) Văn bản của đơn vị được giao giám định tư pháp về việc phân công, cử người giám định tư pháp thực hiện giám định hoặc Quyết định thành lập Tổ giám định tư pháp;

- d) Biên bản giao, nhận, mở niêm phong hồ sơ trung cầu giám định tư pháp;
- đ) Đề cương giám định;
- e) Hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến việc thuê trang thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định (nếu có);
- g) Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định hoặc phương tiện lưu trữ dữ liệu điện tử;
- h) Quyết định thành lập Hội đồng giám định tư pháp (nếu có);
- i) Bản ảnh giám định (nếu có);
- k) Kết luận giám định, kết luận giám định bổ sung (nếu có), kết luận giám định lại (nếu có);
- l) Tài liệu khác theo đặc thù loại việc giám định (nếu có);
- m) Tài liệu khác có liên quan đến việc giám định (nếu có).

3. Bàn giao hồ sơ giám định tư pháp:

- a) Hồ sơ giám định tư pháp của người giám định tư pháp bàn giao cho đơn vị mình bảo quản, lưu trữ theo khoản 1 Điều này;
- b) Hồ sơ giám định tư pháp của Tổ giám định tư pháp được bàn giao cho đơn vị có thành viên được phân công làm người chủ trì, điều phối của Tổ giám định tư pháp bảo quản, lưu trữ theo khoản 1 Điều này;
- c) Hồ sơ giám định tư pháp của Hội đồng giám định tư pháp được bàn giao cho đơn vị có thành viên là Chủ tịch Hội đồng giám định tư pháp bảo quản, lưu trữ theo khoản 1 Điều này.

4. Đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước nhận bàn giao hồ sơ giám định tư pháp có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ theo khoản 1 Điều này.

5. Khai thác, sử dụng hồ sơ giám định tư pháp:

- a) Đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước nhận bàn giao hồ sơ giám định tư pháp có trách nhiệm xuất trình hồ sơ giám định tư pháp khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

b) Người giám định tư pháp được khai thác, sử dụng hồ sơ giám định tư pháp để phục vụ cho việc giám định, giải thích, trình bày kết luận giám định tư pháp.

Điều 21. Chế độ báo cáo

1. Trước ngày 20 hằng tháng, đơn vị được trưng cầu hoặc được giao thực hiện giám định tư pháp, đơn vị có thành viên được phân công làm người chủ trì, điều phối của Tổ giám định tư pháp, đơn vị có thành viên là Chủ tịch Hội đồng giám định tư pháp, đơn vị cử người giám định tư pháp báo cáo bằng văn bản về tiến độ, kết quả thực hiện giám định, khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị (nếu có) theo Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư này, gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Thanh tra Ngân hàng Nhà nước) tổng hợp, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trước ngày 25 hằng tháng.

2. Trước ngày 20 tháng 12 hằng năm, Vụ Tổ chức cán bộ, Học viện Ngân hàng, đơn vị được trưng cầu hoặc được giao thực hiện giám định tư pháp, đơn vị có thành viên được phân công làm người chủ trì, điều phối của Tổ giám định tư pháp, đơn vị có thành viên là Chủ tịch Hội đồng giám định tư pháp, đơn vị cử người giám định tư pháp báo cáo bằng văn bản về tiến độ, kết quả thực hiện công tác giám định năm theo Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư này và đề xuất khen thưởng (nếu có), gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Thanh tra Ngân hàng Nhà nước).

3. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước tổng kết, đánh giá về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước gửi Bộ Tư pháp theo quy định.

Mục 4

CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 22. Chi phí giám định tư pháp, chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp

1. Chi phí giám định tư pháp

a) Chi phí thực hiện giám định theo quyết định trung cầu giám định tư pháp được dự toán, thanh toán, quyết toán theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Ngân hàng Nhà nước;

b) Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước căn cứ quyết định trung cầu giám định tư pháp đã thực hiện và dự báo nhu cầu thực tế phối hợp với Vụ Tài chính - Kế toán, Văn phòng để bố trí kinh phí và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối.

2. Chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp

a) Việc thực hiện giám định tư pháp của công chức, viên chức thuộc Ngân hàng Nhà nước là hoạt động công vụ, được cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp bảo đảm thời gian, các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật số 105/2025/QH15 và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Công chức, viên chức thuộc Ngân hàng Nhà nước; người giám định tư pháp; đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám định tư pháp thì được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét khen thưởng theo thẩm quyền và pháp luật về thi đua, khen thưởng;

c) Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét khen thưởng đối với người giám định tư pháp của đơn vị mình hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giám định tư pháp được giao theo pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Căn cứ điều kiện thực tế, Ngân hàng Nhà nước có chế độ, chính sách khác đối với người giám định tư pháp của Ngân hàng Nhà nước, thu hút chuyên gia tham gia giám định tư pháp trong từng thời kỳ nhất định theo hướng dẫn của Vụ Tổ chức cán bộ;

đ) Công chức, viên chức thuộc Ngân hàng Nhà nước hoàn thành tốt nhiệm vụ giám định tư pháp được giao kiêm nhiệm thì sẽ được ưu tiên bố trí công việc,

phát triển nghề nghiệp và trong công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo quy định của Chính phủ.

Mục 5

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN LIÊN QUAN

Điều 23. Trách nhiệm của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước

1. Đầu mỗi quản lý công tác giám định tư pháp của Ngân hàng Nhà nước: tiếp nhận quyết định trung cầu giám định tư pháp trung cầu Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo khoản 2 Điều 28 Luật số 105/2025/QH15 và Ngân hàng Nhà nước chủ trì hoặc phối hợp theo khoản 4 Điều 28 Luật số 105/2025/QH15; tham mưu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước thực hiện giám định tư pháp; tham mưu lựa chọn thành viên Hội đồng giám định tư pháp; nhận kết luận giám định tư pháp theo quy định tại Thông tư này.

2. Đầu mỗi, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước nghiên cứu, tham mưu Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

a) Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư này; công nhận, huỷ bỏ công nhận, thay đổi về thông tin tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc thuộc thẩm quyền quản lý của Ngân hàng Nhà nước và rà soát, cập nhật, gửi danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc cho Bộ Tư pháp;

b) Xử lý những vấn đề mới phát sinh, khó khăn, vướng mắc của người giám định tư pháp, Tổ giám định tư pháp, Hội đồng giám định tư pháp;

c) Kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối theo thẩm quyền; phối hợp với Bộ Tư pháp trong công tác kiểm tra, thanh tra về giám định tư pháp;

d) Hằng năm, trên cơ sở đề xuất khen thưởng của các đơn vị quy định tại Điều 21 Thông tư này, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ tham mưu Thống đốc Ngân hàng Nhà nước kịp thời khen thưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, người giám định tư pháp, công chức, viên chức thuộc Ngân hàng Nhà nước có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám định tư pháp.

3. Thực hiện cấp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 6 Thông tư này.

4. Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ trong việc rà soát, đề xuất nhân sự đủ tiêu chuẩn để bổ nhiệm giám định viên tư pháp, công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối.

5. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Thông tư này.

Điều 24. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

a) Tham mưu, hướng dẫn về chuyên môn trong hoạt động giám định tư pháp của lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối theo chức năng, nhiệm vụ được giao (nếu có) (trừ Ngân hàng Nhà nước Khu vực);

b) Thực hiện giám định tư pháp đối với các quyết định trung cầu giám định tư pháp được giao theo quy định pháp luật; cử người giám định tư pháp thực hiện giám định theo quy định;

c) Tổng hợp nhu cầu kinh phí cho việc giám định tư pháp trong Kế hoạch thu nhập - chi phí của đơn vị gửi Vụ Tài chính - Kế toán để tổng hợp, trình báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định; thực hiện thanh, quyết toán chi phí giám định tư pháp theo quy định của Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước;

d) Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ xây dựng nguồn nhân lực làm giám định tư pháp thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao;

đ) Phối hợp với Học viện Ngân hàng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao;

e) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư này;

g) Đề xuất khen thưởng đối với đơn vị, người giám định tư pháp thuộc đơn vị mình;

h) Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định tại Thông tư này.

2. Ngân hàng Nhà nước Khu vực

a) Lựa chọn, rà soát người làm việc tại đơn vị mình có đủ tiêu chuẩn theo quy định đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay đổi về thông tin giám định viên tư pháp và đề nghị công nhận, hủy bỏ công nhận, thay đổi thông tin người giám định tư pháp theo vụ việc theo quy định;

b) Tiếp nhận trung cầu và thực hiện giám định tư pháp đối với các quyết định trung cầu giám định tư pháp trung cầu Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo khoản 1 Điều 28 Luật số 105/2025/QH15;

c) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư này;

d) Đề xuất khen thưởng đối với đơn vị, người giám định tư pháp thuộc đơn vị mình.

3. Vụ Tổ chức cán bộ

a) Tham mưu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay đổi về thông tin giám định viên tư pháp; công nhận, hủy bỏ công nhận, thay đổi thông tin người giám định tư pháp theo vụ việc theo thẩm quyền và rà soát, cập nhật, gửi danh sách người giám định tư pháp cho Bộ Tư pháp; thành lập Hội đồng giám định tư pháp theo quy định tại Thông tư này;

b) Chủ trì, phối hợp với Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và các đơn vị khác tiến hành rà soát, củng cố đội ngũ người giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối;

c) Xây dựng chế độ, chính sách khác để hỗ trợ người giám định tư pháp của Ngân hàng Nhà nước, thu hút chuyên gia tham gia hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối theo Điều 22 Thông tư này.

4. Học viện Ngân hàng chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước trong việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp cho người giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối.

5. Vụ Tài chính - Kế toán

a) Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành định mức chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối (nếu có); hướng dẫn việc lập dự toán, thanh toán, quyết toán chi phí giám định tư pháp theo quy định của Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước (nếu có);

b) Tham mưu cấp có thẩm quyền quy định điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định của tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối thuộc thẩm quyền quản lý của Ngân hàng Nhà nước (nếu có).

6. Văn phòng đăng tải danh sách người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước theo quy định.

Điều 25. Trách nhiệm của người giám định tư pháp

1. Tuân thủ trình tự, thủ tục giám định tư pháp; quy chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định tư pháp của lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối khi thực hiện giám định tư pháp theo quy định tại Thông tư này và quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 24 Luật số 105/2025/QH15.

2. Giám định viên tư pháp thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 12 Luật số 105/2025/QH15.

3. Người giám định tư pháp theo vụ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 15 Luật số 105/2025/QH15.

4. Tham gia khoá bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp theo quy định.

5. Báo cáo Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý mình về tiến độ, kết quả thực hiện giám định tư pháp để thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 21 Thông tư này.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 05 năm 2026 và thay thế Thông tư số 14/2020/TT-NHNN ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó, trừ quy định tại Điều 27 Thông tư này

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

1. Người giám định tư pháp, Tổ giám định tư pháp đã tiếp nhận, thực hiện giám định tư pháp theo quyết định trưng cầu giám định tư pháp của người trưng cầu giám định tư pháp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện giám định theo quy định tại Thông tư số 14/2020/TT-NHNN và thanh toán, quyết toán chi phí giám định, bồi dưỡng giám định tư pháp theo quy định của Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2020/QH14.

2. Trường hợp hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp, công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc đã được Ngân hàng Nhà nước (qua Vụ Tổ chức cán bộ), Ngân hàng Nhà nước Khu vực tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2020/QH14 và Thông tư số 14/2020/TT-NHNN.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 28;
- Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước;
- Lưu: VP, Vụ PC, TTNH7 (03b).

THÔNG ĐỐC

PHÓ THÔNG ĐỐC



Phạm Quang Dũng



PHỤ LỤC 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2)....., ngày ... tháng ... năm 20...

**GIẤY XÁC NHẬN THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN
CỦA CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

Kính gửi:(3).....

.....(1) xác nhận thời gian hoạt động chuyên môn của cán bộ, công chức dưới đây, như sau:

1. Ông/bà:

- Ngày, tháng năm sinh:

- Số định danh cá nhân/Hộ chiếu số:

- Ngày cấp: Nơi cấp:

- Đơn vị công tác: (4)

- Trình độ chuyên môn: (5)

- Thời gian hoạt động chuyên môn: ... năm ... tháng (bao gồm thời gian làm việc tại ..(4).. và thời gian ... năm ... tháng làm việc tại đơn vị khác (6)...(nếu có).

2. Ông/bà:

- Ngày, tháng năm sinh:

- Số định danh cá nhân/Hộ chiếu số:.....

Ngày cấp: Nơi cấp:

- Đơn vị công tác: (4)

- Trình độ chuyên môn: (5)

- Thời gian hoạt động chuyên môn: ... năm ... tháng (bao gồm thời gian làm việc tại ...(4)... và thời gian ... năm ... tháng làm việc tại đơn vị khác ...(6)...(nếu có).

..... (7)

(1) Tên đơn vị xác nhận.

(2) Địa danh tỉnh, thành phố, nơi đặt trụ sở đơn vị xác nhận.

(3) Ghi Vụ Tổ chức cán bộ (đối với trường hợp bổ nhiệm giám định viên tư pháp; công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước Khu vực).

(4) Tên đơn vị (phòng, ban), nơi người đề nghị bổ nhiệm, công nhận người giám định tư pháp làm việc.

(5) Ghi trình độ chuyên môn cao nhất được đào tạo.

(6) Ghi thời gian làm việc tại đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước hoặc cơ quan khác ngoài Ngân hàng Nhà nước.

(7) Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu





PHỤ LỤC 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-NHNN ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về thành lập Hội đồng giám định tư pháp

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định trung cầu giám định số ngày tháng năm.... của

Theo đề nghị của Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng giám định tư pháp để thực hiện giám định tư pháp theo Quyết định trung cầu giám định số ngày tháng....năm.... của, gồm các Ông (Bà) có tên sau đây:

- (1) Ông (Bà)..... (1) - Chủ tịch;
- (2) Ông (Bà)..... (1) - Thành viên;
- (3) Ông (Bà)..... (1) - Thành viên;
- (4)

Điều 2. Hội đồng giám định tư pháp quy định tại Điều 1 Quyết định này thực hiện giám định tư pháp theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

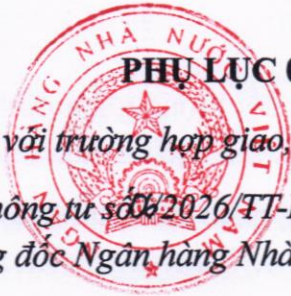
- Như Điều 4;
- Thông đốc Ngân hàng Nhà nước;
- Bộ Tư pháp;
- Tên cơ quan trung cầu
giám định;
- Thanh tra Ngân hàng Nhà nước;
- Lưu: VP, TCCB (...b).

THÔNG ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Ghi Họ, tên, chức danh, số thẻ giám định viên tư pháp đối với giám định viên tư pháp đã được cấp thẻ (nếu có).





PHỤ LỤC 03

(Đối với trường hợp giao, nhận trực tiếp)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 2026/TT-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2026 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Giao, nhận hồ sơ trung cầu giám định tư pháp

Hôm nay, hồi...giờ.... ngày tháng ... năm tại(1).....

Chúng tôi gồm:

1. Người trung cầu giám định tư pháp:

- Ông (bà) chức vụ

- Ông (bà) chức vụ

.....

2. Đại diện (2)..... :

- Ông (bà) chức vụ

- Ông (bà) chức vụ

3. Người chứng kiến (nếu có):

- Ông (bà).....; đơn vị công tác, chức vụ hoặc số định danh cá nhân/số hộ chiếu

- Ông (bà).....; đơn vị công tác, chức vụ hoặc số định danh cá nhân/số hộ chiếu

Tiến hành giao, nhận hồ sơ trung cầu giám định tư pháp thuộc Quyết định trung cầu giám định tư pháp số (3)....., gồm:

(1) Quyết định trung cầu giám định tư pháp số.....(3).....

(2) Thông tin, tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu có)(4).....

(3) Đối tượng giám định (nếu có).....(4).....

(4) Mẫu vật:(4).....

(5) Cách thức bảo quản đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan khi giao, nhận..... (5).....

(6) Tình trạng đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan khi giao, nhận.....(6).....

Biên bản này đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe, đồng ý nội dung và ký xác nhận dưới đây. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản, có giá trị như nhau.

Việc giao, nhận hoàn thành hồi.....giờ... .. ngày .../...../...

NGƯỜI TRUNG CẦU GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN

.....(2).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Địa điểm giao, nhận.

(2) Tên cơ quan, đơn vị nhận hồ sơ trung cầu giám định tư pháp.

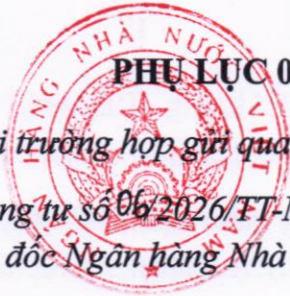
(3) Ghi rõ: số, ngày, tháng, năm của Quyết định trung cầu giám định; loại quyết định (trung cầu giám định bổ sung, giám định lại lần đầu); Tên cơ quan trung cầu giám định tư pháp/Họ, tên người có thẩm quyền trung cầu giám định tư pháp.

(4) Ghi cụ thể từng loại thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật giao, nhận (tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung thông tin.

(5) Ghi cụ thể cách thức bảo quản đối với đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật.

(6) Ghi cụ thể tình trạng của thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật, đối tượng giám định, mẫu vật: bản chụp có chứng thực theo quy định,..).

M



(Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-NHNN ngày 24 tháng 4 năm 2026 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Mở niêm phong hồ sơ trưng cầu giám định tư pháp

Hôm nay, hồi.....giờ.... ngày tháng năm....tại(1).....

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện (2):

- Ông (bà) chức vụ, đơn vị công tác.....

- Ông (bà)chức vụ, đơn vị công tác

2. Người chứng kiến (nếu có):

- Ông (bà).....; đơn vị công tác, chức vụ hoặc số định danh cá nhân/số hộ chiếu

- Ông (bà).....; đơn vị công tác, chức vụ hoặc số định danh cá nhân/số hộ chiếu

Tiến hành mở niêm phong hồ sơ trưng cầu giám định tư pháp như sau:

1. Thông tin bưu phẩm/bưu kiện hồ sơ trưng cầu giám định tư pháp (số hiệu):(3)....

2. Tình trạng bưu phẩm/bưu kiện hồ sơ trưng cầu giám định tư pháp:...(4)...

3. Hồ sơ trưng cầu giám định tư pháp sau khi mở niêm phong, gồm:

a) Quyết định trưng cầu giám định số.....(5).....

b) Thông tin, tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu có).....(6).....

c) Đối tượng giám định (nếu có):(6).....

d) Mẫu vật:(6).....

đ) Cách thức bảo quản đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan khi giao, nhận..... (7).....

e) Tình trạng đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan khi giao, nhận.....(8).....

g) (9).....

Biên bản này đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe, đồng ý nội dung và ký xác nhận dưới đây. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

Việc mở niêm phong hoàn thành hồi.... giờngày//

NGƯỜI LÀM CHỨNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN

.....(2).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Địa điểm tiến hành mở niêm phong .

(2) Tên cơ quan, đơn vị mở niêm phong.

(3) Ghi rõ số bưu phẩm, bưu kiện, ngày, tháng, năm gửi; tên, địa chỉ người gửi; tên, địa chỉ người nhận trên bưu phẩm, bưu kiện.

(4) Ghi rõ tình trạng bên ngoài của bưu phẩm, bưu kiện khi nhận được (nguyên vẹn, rách, móp, vỡ, ẩm, ướt, ... (nếu có).

(5) Ghi rõ: số, ngày, tháng, năm của Quyết định trưng cầu giám định; loại quyết định (trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại lần đầu); Tên cơ quan trưng cầu giám định tư pháp/Họ, tên người có thẩm quyền trưng cầu giám định tư pháp.

(6) Ghi cụ thể từng loại thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật giao, nhận (tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung thông tin.

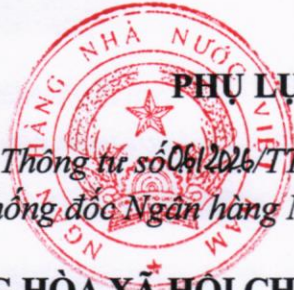
(7) Ghi cụ thể cách thức bảo quản đối với đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật.

(8) Ghi cụ thể tình trạng của thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật, đối tượng giám định, mẫu vật: bản chụp có chứng thực theo quy định,..).

(9) Ghi cụ thể từng loại hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật nhận được khi mở niêm phong (tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung thông tin và tình trạng của tài liệu, đối tượng giám định, tính

phù hợp của thông tin, tài liệu hồ sơ theo quy định của pháp luật về văn thư: bản chụp có chứng thực theo quy định,...). Đối với mẫu vật, cần ghi rõ tình trạng mẫu vật, hình thức được bảo quản.

Mv/



PHỤ LỤC 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

VĂN BẢN

Ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp

Tổ giám định tư pháp/Tôi/Chúng tôi gồm:

-(1) được bổ nhiệm giám định viên tư pháp/công nhận người giám định viên tư pháp theo vụ việc theo Quyết định số ngày.... tháng năm 20... của.....; số thẻ giám định viên tư pháp:
- (1) được bổ nhiệm giám định viên tư pháp/công nhận người giám định viên tư pháp theo vụ việc theo Quyết định số ngày.... tháng năm 20... của.....; số thẻ giám định viên tư pháp:
-

Thực hiện(2)....., tổ giám định tư pháp/tôi/chúng tôi đã tiến hành giám định và quá trình thực hiện giám định như sau:

1. Quá trình thực hiện giám định tư pháp đối với nội dung yêu cầu giám định thứ nhất (3):

- Người thực hiện: (4)
- Tình trạng của đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan:.....(5).....
- Thời gian, địa điểm:(6)
- Nội dung công việc:(7)
- Tiến độ:.....(8).....
- Phương pháp thực hiện:(9).....
- Kết quả thực hiện giám định:(10).....

2. Quá trình thực hiện giám định tư pháp đối với nội dung yêu cầu giám định thứ hai (3):

- Người thực hiện: (4)
- Tình trạng của đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan:.....(5).....
- Thời gian, địa điểm:(6)
- Nội dung công việc:(7)
- Tiến độ:.....(8).....
- Phương pháp thực hiện:(9).....
- Kết quả thực hiện giám định:(10).....

3. Quá trình thực hiện giám định tư pháp đối với nội dung yêu cầu giám định thứ (3):

- Người thực hiện: (4)
- Tình trạng của đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan:.....(5).....
- Thời gian, địa điểm:(6)
- Nội dung công việc:(7)
- Tiến độ:.....(8).....
- Phương pháp thực hiện:(9).....
- Kết quả thực hiện giám định:(10).....

..... (11)...., ngày... tháng.... năm....

Người lập văn bản báo cáo (12)

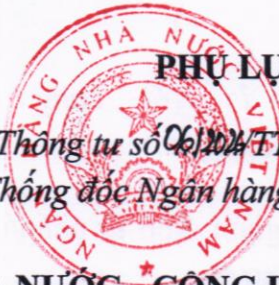
(Ký, ghi rõ họ, tên)

(1) Tên giám định viên tư pháp/người giám định tư pháp theo vụ việc.

(2) Ghi rõ: số, ngày, tháng, năm của Quyết định trưng cầu giám định; loại quyết định (trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại lần đầu, lần thứ hai); Tên cơ quan trưng cầu giám định tư pháp/Họ, tên người có thẩm quyền tiến hành tổ tụng trưng cầu giám định tư pháp.

(3) Căn cứ nội dung yêu cầu giám định ghi tại quyết định trưng cầu giám định.

- (4) Ghi người giám định tư pháp trực tiếp thực hiện giám định tư pháp đối với nội dung yêu cầu giám định. Trường hợp có từ 02 người giám định tư pháp trở lên, ghi đầy đủ thông tin của từng người giám định tư pháp.
- (5) Ghi cụ thể tình trạng của đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan đến nội dung yêu cầu giám định.
- (6) Ghi cụ thể theo thứ tự thời gian (ngày, tháng, năm) và địa điểm thực hiện giám định đối với nội dung yêu cầu giám định được trưng cầu.
- (7) Ghi rõ các công việc đã thực hiện theo diễn biến thời gian và địa điểm nêu tại điểm (6).
- (8) Ghi rõ tiến độ giám định đã thực hiện theo diễn biến thời gian và địa điểm nêu tại điểm (6).
- (9) Ghi rõ phương pháp đã thực hiện; các phương tiện, máy móc, thiết bị, dịch vụ đã sử dụng trong quá trình giám định.
- (10) Ghi rõ kết quả đã thực hiện theo diễn biến thời gian và địa điểm nêu tại điểm (6).
- (11) Địa điểm nơi người giám định lập văn bản ghi nhận quá trình giám định.
- (12) Trường hợp có từ 2 giám định viên trở lên, thì tất cả giám định viên đều phải ký và ghi rõ họ, tên.
-



PHỤ LỤC 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(1).....

....., ngày tháng ... năm

KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-NHNN ngày .../.../2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối;

Căn cứ Quyết định trưng cầu giám định số ngàytháng....năm.... của;(2)

Căn cứ Quyết định số... ngày.... tháng....năm.... của về việc bổ nhiệm giám định viên tư pháp/công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc; (3)

Căn cứ Văn bản..... ngày.... tháng....năm.... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc giao thực hiện giám định tư pháp; (4)

Căn cứ Quyết định số... ngày tháng ... năm ... của ...(5) về việc thành lập Hội đồng giám định tư pháp/thành lập Tổ giám định tư pháp/cử người giám định tư pháp;

Căn cứ hồ sơ giám định tư pháp do ... (6)... cung cấp (Biên bản giao nhận/mở niêm phong số... ngày...tháng....năm....);

Hội đồng giám định tư pháp/Tổ giám định tư pháp/người giám định tư pháp đã tiến hành giám định và kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tổ chức thực hiện giám định: (1)

2. Họ, tên thành viên Hội đồng giám định tư pháp/Tổ giám định tư pháp/người giám định tư pháp gồm:

- Ông/bà:(7)

- Ông/bà:(7)

3. Địa chỉ: (8)

4. Tên người trưng cầu giám định tư pháp, số văn bản trưng cầu giám định (9)

5. Thông tin xác định đối tượng giám định (10)

6. Thời gian nhận văn bản trưng cầu giám định tư pháp:

a) Thời gian tiếp nhận trưng cầu giám định (11)

b) Thời gian giao, nhận /mở niêm phong hồ sơ giám định tư pháp (12)

7. Nội dung yêu cầu giám định (13)

8. Phương pháp thực hiện giám định (14)

9. Thời gian, địa điểm thực hiện giám định (15)

II. KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH

1. Nội dung yêu cầu giám định thứ nhất

a) Cơ sở pháp lý (16)

b) Thực trạng thông tin từ hồ sơ trưng cầu giám định tư pháp (17)

c) Nhận xét, đánh giá (18)

d) Kết luận (19)

2. Nội dung yêu cầu giám định thứ hai

a) Cơ sở pháp lý (16)

b) Thực trạng thông tin từ hồ sơ trung cầu giám định tư pháp (17)

c) Nhận xét, đánh giá (18)

d) Kết luận (19)

3. Nội dung yêu cầu giám định thứ...

.....

III. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM HOÀN THÀNH VIỆC GIÁM ĐỊNH

- Thời gian giám định: từ ngày đến ngày

- Địa điểm hoàn thành giám định:

- Kết luận giám định này gồm ... trang, được làm thành ... bản có giá trị như nhau và được gửi cho:

+ Người trung cầu giám định tư pháp: ... bản;

+ Thanh tra Ngân hàng Nhà nước: 01 bản.

+ Lưu hồ sơ giám định: bản.

Chữ ký của người giám định (20)

(Ký và ghi rõ họ, tên)

XÁC NHẬN CỦA (21)

....(21).... xác nhận những chữ ký nói trên là chữ ký của người được (21) cử thực hiện giám định tư pháp/thành viên Hội đồng giám định tư pháp.

(Ký tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA (22)

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- (9);
- Thanh tra Ngân hàng Nhà nước;
- Lưu: VT, Hồ sơ GDTP (...b);

(1) Tên đơn vị được giao giám định tư pháp.

(2) Ghi rõ: số, ngày, tháng, năm của Quyết định trưng cầu giám định; loại quyết định (trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại lần đầu, lần thứ hai); Tên cơ quan trưng cầu giám định tư pháp/Họ, tên người có thẩm quyền tiến hành tổ tụng trưng cầu giám định tư pháp.

(3) Ghi rõ: số, ngày, tháng, năm của Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp/công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc.

(4) Ghi rõ: số, ngày, tháng, năm của Quyết định về việc giao (1) thực hiện giám định tư pháp.

(5) Ghi rõ: số, ngày, tháng, năm của Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về thành lập Hội đồng giám định/Quyết định của Thủ trưởng đơn vị được giao thực hiện giám định tư pháp về việc thành lập Tổ giám định tư pháp/cử giám định viên tư pháp/người giám định tư pháp theo vụ việc.

(6) Ghi rõ cơ quan, tổ chức trưng cầu giám định tư pháp; trường hợp người có thẩm quyền tiến hành tổ tụng trưng cầu giám định thì ghi rõ họ tên, chức vụ.

(7) Ghi tên thành viên Hội đồng giám định/người giám định tư pháp, số thẻ giám định viên tư pháp (nếu có).

(8) Ghi rõ địa chỉ của tổ chức thực hiện giám định.

(9) Ghi rõ cơ quan, tổ chức trung cầu giám định tư pháp; trường hợp người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trung cầu giám định thì ghi rõ họ tên, chức vụ; số văn bản trung cầu giám định, trung cầu giám định bổ sung, giám định lại lần đầu, lần thứ hai.

(10) Ghi rõ tên, địa chỉ, giấy phép thành lập hoạt động, giấy đăng ký kinh doanh, người đại diện theo pháp luật và/hoặc tên, địa chỉ, chứng minh thư/căn cước công dân/số hộ chiếu của đối tượng giám định được nêu trong quyết định trung cầu giám định.

(11) Ghi cụ thể thời gian Thanh tra Ngân hàng Nhà nước nhận được quyết định trung cầu giám định.

(12) Ghi cụ thể thời gian theo các Biên bản giao/nhận /mở niêm phong hồ sơ trung cầu giám định tư pháp.

(13) Ghi theo yêu cầu tại quyết định trung cầu giám định.

(14) Ghi cụ thể các phương pháp sử dụng/áp dụng trong quá trình thực hiện giám định.

(15) Ghi ngắn gọn theo văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp.

(16) Ghi đầy đủ tên, số, ngày tháng năm của các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung, phạm vi điều chỉnh liên quan đến nội yêu cầu giám định.

(17) Ghi đầy đủ thông tin, số liệu vụ việc của nội dung yêu cầu giám định từ kết quả nghiên cứu hồ sơ trung cầu giám định tư pháp.

(18) Căn cứ nội dung yêu cầu giám định, kết quả nghiên cứu, đối chiếu nội dung hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật đã được cung cấp với quy định cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nêu tại (16) để đưa ra nhận xét, đánh giá nội dung yêu cầu giám định.

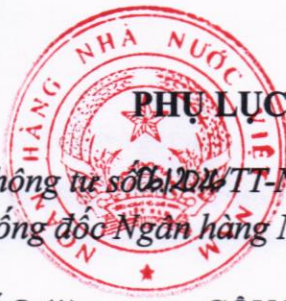
(19) Kết luận rõ ràng, cụ thể về nội dung chuyên môn của đối tượng giám định tư pháp theo nội dung yêu cầu giám định.

(20) Ký, ghi rõ họ tên của từng giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc/từng thành viên Hội đồng giám định.

(21) Ngân hàng Nhà nước xác nhận chữ ký của giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc đối với trường hợp trưng cầu Ngân hàng Nhà nước cử người giám định.

(22) Ký, đóng dấu của Ngân hàng Nhà nước đối với trường hợp trưng cầu Ngân hàng Nhà nước thực hiện giám định; trưng cầu Ngân hàng Nhà nước chủ trì/phối hợp giám định và trong trường hợp kết luận giám định của Hội đồng giám định.

M



PHỤ LỤC 07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 4 năm 2024
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

ĐƠN VỊ BÁO CÁO (1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO VỀ VIỆC THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THÁNG.....
NĂM.....**

(Từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 tháng sau)

Kính gửi: Thanh tra Ngân hàng Nhà nước

1. Tiến độ thực hiện giám định

TT	Văn bản trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp (2)	Thực hiện/ Từ chối giám định (3)	Thực hiện giám định tư pháp				Ghi chú
			Quyết định thành lập Hội đồng giám định tư pháp/Tổ giám định tư pháp/cử người giám định tư pháp	Người thực hiện giám định	Ngày bắt đầu thực hiện giám định	Tiến độ thực hiện giám định (4)	
1.							
2.							
3.							

2. Khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ (1)

(Ký tên, đóng dấu)

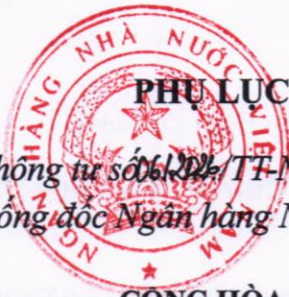
(1) Tên đơn vị thực hiện giám định tư pháp/đơn vị có thành viên được phân công làm chủ trì, điều phối của Tổ giám định tư pháp/đơn vị có thành viên là Chủ tịch Hội đồng giám định tư pháp/đơn vị chủ trì, phối hợp giám định tư pháp

(2) Ghi rõ số văn bản, ngày tháng năm, cơ quan trung cầu giám định tư pháp của quyết định trung cầu giám định tư pháp, quyết định trung cầu giám định bổ sung, quyết định trung cầu giám định lại.

(3) Báo cáo rõ thời gian tạm dừng, đình chỉ giám định tư pháp, lý do (nếu có).

(4) Báo cáo rõ tiến độ, kết quả thực hiện giám định tư pháp theo tiến độ được ghi tại văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp của kỳ báo cáo.

M/



PHỤ LỤC 08

(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~06/2024~~ TT-NHNN ngày ~~29~~ tháng ~~4~~ năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác giám định tư pháp năm.....

(Từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của năm kỳ báo cáo)

Kính gửi: Thanh tra Ngân hàng Nhà nước

I. VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

1. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm giám định viên tư pháp, cấp, cấp lại và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp; công nhận, hủy bỏ công nhận danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc; thay đổi thông tin người giám định tư pháp

1.1. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm giám định viên tư pháp

- Bổ nhiệm giám định viên tư pháp:người.

- Bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp: người

- Miễn nhiệm giám định viên tư pháp:người.

1.2. Cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp

- Cấp thẻ giám định viên tư pháp:người, trong đó:

+ Cấp mới thẻ giám định viên tư pháp:người.

+ Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp:người.

- Thu hồi thẻ giám định viên tư pháp:người.

1.3. Công nhận, hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc

- Công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc:người.

- Hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc:người.

1.4. Thay đổi thông tin người giám định tư pháp: ... người

Thay đổi thông tin người giám định tư pháp: ... người, trong đó:

- Giám định viên tư pháp:.....người.

- Người giám định tư pháp theo vụ việc:.....người.

2. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp (1)

Tổng số khóa đào tạo, bồi dưỡng về công tác giám định tư pháp: khóa, trong đó:

- Số lượng công chức tham dự:người/khóa.

- Nội dung đào tạo, bồi dưỡng: ...

3. Về kết quả tổ chức thực hiện giám định tư pháp

3.1. Về việc thực hiện quyết định trưng cầu giám định tư pháp

a) Tổng số quyết định trưng cầu giám định đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo: quyết định, trong đó:

- Số quyết định trưng cầu giám định lần đầu: quyết định

- Số quyết định trưng cầu giám định bổ sung: quyết định

- Số quyết định trưng cầu giám định lại: quyết định

b) Tổng số quyết định trưng cầu giám định đã từ chối (nêu rõ lý do từ chối):.....quyết định (nếu có), trong đó:

- Số quyết định trưng cầu giám định lần đầu:....

- Số quyết định trưng cầu giám định bổ sung:.....

- Số quyết định trưng cầu giám định lại:.....

c) Tổng số quyết định trưng cầu giám định đã triển khai thực hiện:....., trong đó:

- Số quyết định trưng cầu giám định lần đầu:....

- Số quyết định trưng cầu giám định bổ sung:.....

- Số quyết định trưng cầu giám định lại:.....

d) Tổng số quyết định trưng cầu giám định đã ban hành kết luận giám định: quyết định, trong đó:

- Tổng số quyết định trưng cầu giám định tư pháp đã hoàn thành và ban hành kết luận giám định trong kỳ báo cáo: quyết định, trong đó:

+ Số quyết định trưng cầu giám định lần đầu:.... quyết định

+ Số quyết định trưng cầu giám định bổ sung:..... quyết định

+ Số quyết định trưng cầu giám định lại:..... quyết định

- Tổng số quyết định trung cầu giám định từ kỳ trước chuyển sang và ban hành kết luận giám định trong kỳ báo cáo: quyết định, trong đó:

+ Số quyết định trung cầu giám định lần đầu:.... quyết định

+ Số quyết định trung cầu giám định bổ sung:..... quyết định

+ Số quyết định trung cầu giám định lại:..... quyết định

e) Tổng số quyết định trung cầu giám định tư pháp tạm dừng: quyết định. (nêu rõ lý do tạm dừng) (nếu có).

- Số quyết định trung cầu giám định lần đầu:.... quyết định

- Số quyết định trung cầu giám định bổ sung:..... quyết định

- Số quyết định trung cầu giám định lại:..... quyết định

g) Tổng số quyết định trung cầu giám định bị đình chỉ: quyết định
(nêu rõ lý do đình chỉ của từng trường hợp).

h) Tổng số quyết định trung cầu giám định đang thực hiện: quyết định, trong đó:

- Tổng số quyết định trung cầu giám định đang thực hiện trong kỳ báo cáo:..... quyết định, trong đó:

+ Số quyết định trung cầu giám định lần đầu:.... quyết định

+ Số quyết định trung cầu giám định bổ sung:..... quyết định

+ Số quyết định trung cầu giám định lại:..... quyết định

- Tổng số quyết định trung cầu giám định đang thực hiện từ kỳ trước chuyển sang kỳ báo cáo:..... quyết định, trong đó:

+ Số quyết định trung cầu giám định lần đầu:.... quyết định

+ Số quyết định trung cầu giám định bổ sung:..... quyết định

+ Số quyết định trung cầu giám định lại:..... quyết định

- Báo cáo cụ thể tiến độ thực hiện đối với các quyết định trung cầu giám định đang thực hiện.

3.2. Về việc thực hiện quyết định trung cầu trực tiếp người giám định tư pháp của Ngân hàng Nhà nước (nếu có)

Tổng số quyết định trung cầu giám định đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo:....., trong đó:

a) Số quyết định trung cầu giám định đã từ chối (nêu rõ lý do từ chối):..... (nếu có), trong đó:

- Số quyết định trung cầu giám định lần đầu:.... quyết định
- Số quyết định trung cầu giám định bổ sung:..... quyết định
- Số quyết định trung cầu giám định lại:..... quyết định

b) Số quyết định trung cầu giám định đã triển khai thực hiện:....., trong đó:

- Số quyết định trung cầu giám định đã ban hành kết luận giám định:
trong đó:

- + Số quyết định trung cầu giám định lần đầu:.... quyết định
- + Số quyết định trung cầu giám định bổ sung:..... quyết định
- + Số quyết định trung cầu giám định lại:..... quyết định

- Số quyết định trung cầu giám định tạm dừng: (nêu rõ lý do tạm dừng),
trong đó:

- + Số quyết định trung cầu giám định lần đầu:.... quyết định
- + Số quyết định trung cầu giám định bổ sung:..... quyết định
- + Số quyết định trung cầu giám định lại:..... quyết định

- Số quyết định trung cầu giám định đang thực hiện:.... quyết định, trong đó:

- + Số quyết định trung cầu giám định lần đầu:.... quyết định
- + Số quyết định trung cầu giám định bổ sung:..... quyết định
- + Số quyết định trung cầu giám định lại:..... quyết định

3.3. Về việc thực hiện quyết định trung cầu Ngân hàng Nhà nước chủ trì (nếu có)

Tổng số quyết định trung cầu giám định đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo:.....,
trong đó:

a) Số quyết định trung cầu giám định đã từ chối (nêu rõ lý do từ chối):.....
(nếu có), trong đó:

- Số quyết định trung cầu giám định lần đầu:.... quyết định
- Số quyết định trung cầu giám định bổ sung:..... quyết định
- Số quyết định trung cầu giám định lại:..... quyết định

b) Số quyết định trung cầu giám định đã triển khai thực hiện:....., trong đó:

- Số quyết định trung cầu giám định đã ban hành kết luận giám định:
trong đó:

- + Số quyết định trung cầu giám định lần đầu:.... quyết định

- + Số quyết định trung cầu giám định bổ sung:..... quyết định
- + Số quyết định trung cầu giám định lại:..... quyết định
- Số quyết định trung cầu giám định tạm dừng: (nêu rõ lý do tạm dừng),
trong đó:

- + Số quyết định trung cầu giám định lần đầu:..... quyết định
- + Số quyết định trung cầu giám định bổ sung:..... quyết định
- + Số quyết định trung cầu giám định lại:..... quyết định
- Số quyết định trung cầu giám định đang thực hiện:..... quyết định, trong đó:
- + Số quyết định trung cầu giám định lần đầu:..... quyết định
- + Số quyết định trung cầu giám định bổ sung:..... quyết định
- + Số quyết định trung cầu giám định lại:..... quyết định

3.4. Về việc thực hiện quyết định trung cầu Ngân hàng Nhà nước phối hợp (nếu có)

Tổng số quyết định trung cầu giám định đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo:....., trong đó:

a) Số quyết định trung cầu giám định đã từ chối (nêu rõ lý do từ chối):..... (nếu có), trong đó:

- Số quyết định trung cầu giám định lần đầu:..... quyết định
- Số quyết định trung cầu giám định bổ sung:..... quyết định
- Số quyết định trung cầu giám định lại:..... quyết định

b) Số quyết định trung cầu giám định đã triển khai thực hiện:....., trong đó:

- Số quyết định trung cầu giám định đã ban hành kết luận giám định:
trong đó:

- + Số quyết định trung cầu giám định lần đầu:..... quyết định
- + Số quyết định trung cầu giám định bổ sung:..... quyết định
- + Số quyết định trung cầu giám định lại:..... quyết định
- Số quyết định trung cầu giám định tạm dừng: (nêu rõ lý do tạm dừng),
trong đó:

- + Số quyết định trung cầu giám định lần đầu:..... quyết định
- + Số quyết định trung cầu giám định bổ sung:..... quyết định
- + Số quyết định trung cầu giám định lại:..... quyết định

- Số quyết định trung cầu giám định đang thực hiện:.... quyết định, trong đó:
- + Số quyết định trung cầu giám định lần đầu:.... quyết định
- + Số quyết định trung cầu giám định bổ sung:..... quyết định
- + Số quyết định trung cầu giám định lại:..... quyết định

3.5. Về việc thực hiện quyết định trung cầu thành lập Hội đồng giám định tư pháp (nếu có)

4. Đánh giá chung

4.1. Mặt được

4.2. Hạn chế

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

1. Khó khăn, vướng mắc về pháp lý
2. Khó khăn, vướng mắc trong sự phối hợp giữa Cơ quan trung cầu giám định tư pháp và Cơ quan thực hiện giám định tư pháp
3. Khó khăn, vướng mắc khác

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Học viện Ngân hàng báo cáo số liệu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp của Ngân hàng Nhà nước.

Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước báo cáo số liệu: (i) tham dự khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp của Ngân hàng Nhà nước; (ii) tự đào tạo, bồi dưỡng (nếu có).

Handwritten signature